

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Chau Rết – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TBMPT.TA ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm H., sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh A, xin vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Lê Tấn C.. (tên gọi khác Tánh), sinh năm 1979, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17 tháng 02 năm 2021 và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H.. trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Năm 2010 bà và ông Lê Tấn C.. quen biết do mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 29/6/2010. Sau khi kết hôn bà về sống cùng gia đình bên chồng tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A từ ngày 29/6/2010 đến ngày 08/10/2011. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn không còn chung sống với nhau nữa, nguyên nhân do vợ chồng không có sự hòa hợp, thường xuyên cãi vã dẫn đến không còn yêu thương lẫn nhau. Vợ chồng đã không còn chung

sống khoảng hơn 8-9 năm nay, nên bà Trần Thị Cẩm H.. yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn C...

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Tấn C.. có ý kiến:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.;

- Về con chung: Không có;
- Về tài sản chung: không có;
- Về nợ chung: không có.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Cẩm H.. và ông Lê Tấn C.. có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cả hai mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Ông C.. cũng đồng ý ly hôn với bà H... Vì vậy, có cơ sở chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H...

- + Về con chung: Không có.
- + Về tài sản chung: Không có;
- + Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản ghi lời khai của ông Lê Tấn C.. ngày 07/06/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H.. đều xin vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H.. đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Tấn C.. có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm H.. và ông Lê Tấn C.. chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 29/6/2020 tại Bản sao trích lục kết hôn số 121/TLKH-BS ngày 17/02/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Cả hai thống nhất ly hôn, ghi nhận sự thống nhất này, do đó giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà H.. là phù hợp.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm H.. khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Lê Tấn C.. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Cẩm H.. và ông Lê Tấn C...
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm H.. phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0006296 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Trần Thị Cẩm H.. đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tĩnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ